

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST;
Ngày: 11/11/2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Minh Thắm;

2/ Ông Lê Văn Kiệt;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Cường, thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 276/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2021/QĐXX-ST ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Nguyễn Văn T** - sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Số A Trần Hưng Đạo, Phường M, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Đỗ Kim Ngọc T1** – sinh năm 1985;

Địa chỉ: Số B, Ấp C, xã N, thành phố K, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị T1 sống chung vào năm 2002, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6 vào ngày 22/6/2005. Cuộc sống chung của vợ chồng anh rất hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống chung, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung, vợ chồng anh đã cố gắng sửa đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Thảo.

Về con chung: Có 03 con chung, tên Nguyễn Hoài P, sinh năm 2002; Nguyễn Hoài B, sinh năm 2008 và Nguyễn Hoài Tâm, sinh năm 2017. Hiện cháu B và cháu T2 đang sống chung với chị Thảo, cháu P đã trưởng thành. Khi ly hôn, anh đồng ý giao cháu B và cháu T2 cho chị T1 nuôi dưỡng và anh tự cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/một cháu cho đến khi hai con đủ 18 tuổi lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Văn bản trình bày ý kiến ngày 17/5/2021, bị đơn chị Đỗ Kim Ngọc T1 trình bày: Chị đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh T. Về con chung có ba con chung như anh T trình bày. Khi ly hôn, chị đồng ý nuôi cháu B và cháu Tâm; chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Do bận đi làm nên chị đề nghị cho chị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy chị T1 đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T nên đề nghị Tòa án chấp nhận cho ly hôn theo yêu cầu của anh T; đối với yêu cầu nuôi con chung của anh T xét thấy hai con chung đang sống ổn định với chị T1 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Thảo, giải quyết vấn đề con chung của anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số B Ấp C, xã N, thành phố K, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố K có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Anh T và chị T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, Tòa xét thấy: Anh T trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Chị T1 trình bày đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T, chị T1 đồng ý. Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là có thật, thời gian ly thân đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Thảo.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu B và cháu T2 đang sống ổn định với chị T1, do đó yêu cầu giao hai con chung của chị T1 nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị khai không có nên Tòa không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Đỗ Kim Ngọc T1.

Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 13/01/2008 và cháu Nguyễn Hoài T2, sinh ngày 09/8/2017 cho chị Đỗ Kim Ngọc T1 được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T về việc cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng/một cháu (Một triệu đồng trên một cháu) cho đến khi hai con đủ 18 tuổi lao động được. Thời gian cấp dưỡng khi án có hiệu lực pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom hai con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng 600.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005639 ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Như vậy, anh Nguyễn Văn T phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố K;
- Chi cục THADS thành phố K;
- UBND Phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(đã ký)

Cao Thị Thu Thủy